

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLI+P6+P5	7:25	19+2+1	0+0+0		11+0+11	0+0+0	
2		PPD+VSP01+PVD6	7:25	12+6+4	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
3		AMD+PVD2	7:25	20+2	0+0		14+8	0+0	
4		CTK3+P8+P9	7:25	12+6+4	0+0+0		10+6+6	0+0+0	
5		T.U.NG	7:25	19	0		16	0	
6		CLO+CTK3+P10	9:25	4+11+7	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
7		AMD+P11	9:25	22+0	0+0		8+13	0+0	
8		BK16+GT1+CTK3	9:25	6+6+10	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
9		RP2+VSP02+TD2	9:25	1+18+2	0+0+0		0+10+12	0+0+0	
10		CLI	11:25	20	0		22	0	
11		P2+CTK3	11:25	16+1	0+0		13+9	0+0	
12		TTC3+P7+PPD	11:25	5+3+13	0+0+0		4+5+13	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Di về trong ngày CLI-3ng, PPD-3 người (qua P2)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: CLI - P6 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - MQUÂN	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO V.A.	CLI					100	KH-THAC	Russian
2	ORLOV I.V.	CLI	31	1	5		89	KH-THAC	Russian
3	TRIANDOFILIDI Y.I.	CLI	32	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	LE QUANG TAN	CLI	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	DUCHENKO A.L.	CLI	23	1	5	40	120	KH-THAC	Russian
6	CHERNISHEV V.A.	CLI	24	1	5		110	KH-THAC	Russian
7	BUI VIET PHUONG	CLI	33	1	5	47	70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC THANG	CLI	27-28	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN CONG SOAI	CLI	29	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG HAI	CLI	25	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC DUNG	CLI	36-37	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HAI DUONG	CLI	19-20	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	MAI QUOC HUNG	CLI	34	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH KIM KHANH	CLI	26	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN DAN	CLI	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HO HAI HAU	CLI	41-42	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
17	VU LAM DIEN	CLI	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	KIEU TUAN ANH	CLI	18	1	7		72	ĐK09	Vietnamese
19	TRAN THANH CONG	CLI	21	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC MANH	P6	09-10	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG QUOC HUY	P6	07-08	2	17		72	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC TUAN	P5	15-16	2	10	20	70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

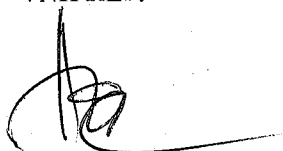
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	19	22	119	1.511	87	11		
2	P6	2	4	32	142	0	0		
3	P5	1	2	10	70	20	11		
TOTAL		22	28	161	1.723	107	22		
WEIGHT KG				161	1.723	107			

GRAND TOAL: 1.991 KGS

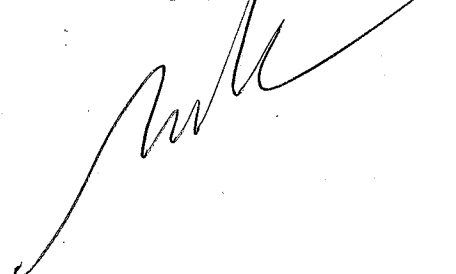
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2018	TO: PPD - VSP01 - PVD6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - Vũ	ETA: 09:15
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UDALOVA	PPD					65	DHANH	Russian
2	UDALOVA K.	PPD				20	58	DHANH	Russian
3	SKOBLIAKOV D	PPD					85	DHANH	Russian
4	PHUNG PHU SUA	PPD	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN HAI	PPD	40	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ CHI KIEN	PPD					77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HA	PPD	39	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC DUNG	PPD	38	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG VAN TANG	PPD	42	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC TRUONG	PPD	41	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH DUY NAM	PPD	36	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN TAN	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TE	VSP01	35	1	5		75	PSV	Vietnamese
14	LUONG MANH HUONG	VSP01	34	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	LE VAN NGOC	VSP01	33	1	4		72	PSV	Vietnamese
16	PHAM HUY DAU	VSP01	36	1	4		65	PSV	Vietnamese
17	ĐO ĐỨC CHI	VSP01	37	1	4		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC THƯƠNG	VSP01	32	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	PHAM THANH BINH	PVD6	59	1	8		88	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN KHOA	PVD6	60	1	11	30	65	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN LE BAO LAM	PVD6	57-58	2	14	35	65	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN VAN THANH	PVD6	61-62	2	20		55	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	12	7	39	823	20	8		
2	VSP01	6	6	27	396	0	10		
3	PVD6	4	6	53	273	65	4		
TOTAL		22	19	119	1.492	85	22		
WEIGHT KG				119	1.492	85			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2018	TO: AMD - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ANH TUAN	AMD	23,92	2	19		62	PHATECO	Vietnamese
2	PHAN VAN TRUNG	AMD	20	1	10	18	62	PHATECO	Vietnamese
3	DINH HUU TUAN	AMD	17-18	2	19		67	PHATECO	Vietnamese
4	DAO VAN PHUC	AMD	12	1	10		75	DK/BAB	Vietnamese
5	NGUYEN DUC HOA	AMD	10	1	12		73	DK/BAB	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC THIEN	AMD	01	1	6		69	DK/BAB	Vietnamese
7	TRAN VAN TIEU	AMD	11	1	5		74	DK/BAB	Vietnamese
8	NGUYEN PHI NAM	AMD	54-55	2	12		55	DK/BAB	Vietnamese
9	VO PHI HO	AMD	13-14	2	16		89	DK/BAB	Vietnamese
10	NGUYEN DINH KHOI	AMD	05-06	2	19		61	HWL/HLJOK	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG DAN	AMD	03-04	2	14	24	56	HWL/HLJOK	Vietnamese
12	LE THANH HAI	AMD	02	1	7		94	KH-THAC	Vietnamese
13	TRUONG THE HIEN	AMD	15	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRUNG KIEN	AMD	09	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC TUAN	AMD	16	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TANG XUAN HAI (PVD2)	AMD	08	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET THANG	AMD	07	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN VIET	AMD	19	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH AN	AMD	56	1	10		61	ABS	Vietnamese
20	DAO THE VU	PVD2	53	1	7	92	75	KHOAN	Vietnamese
21	BUI VAN THICH	PVD2	59	1	7		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	25	194	1.329	42	14		
2	PVD2	2	2	14	155	92	8		
TOTAL		21	27	208	1.484	134	22		
WEIGHT KG				208	1.484	134			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: CTK3 - P8 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Bằng - ĐỨC - THẢO -	ETA: 09:30
VANG-1		TĐông	

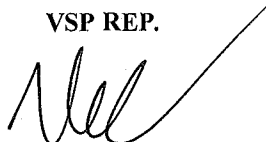
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TOAN	CTK3	02	1	5	21	57	YTE	Vietnamese
2	NG. SON HA	CTK3	10	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAM VAN THANH	CTK3	11-12	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
4	BOGDANOV	CTK3	01	1	8		70	KH-THAC	Russian
5	TRINH QUOC HUY	CTK3	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HIEN	CTK3	07	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SAU	CTK3	13	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUY HA	CTK3	05	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN DU	CTK3	08	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
10	LE THANH LIEM	CTK3	03	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
11	LE MINH ĐỨC	CTK3	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG LINH	CTK3	04	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRỌNG HIỂU	P8	25	1	3		66	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT LY	P8	28	1	3	30	81	PSV	Vietnamese
15	VŨ NGỌC NAM	P8	29	1	5		82	PSV	Vietnamese
16	TRẦN MẠNH CUÔNG	P8	26	1	6		54	PSV	Vietnamese
17	HA VAN THIEN	P8	24	1	6		74	PSV	Vietnamese
18	LE TIEN QUY	P8	27	1	6		68	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHIEU	P9	34	1	5		66	PSV	Vietnamese
20	PHAM CONG TUAN	P9	35	1	4	35	60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HUU TUYET	P9	32	1	6		55	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LINH	P9	33	1	7		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

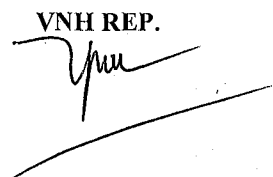
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	13	83	812	21	10		
2	P8	6	6	29	425	30	6		
3	P9	4	4	22	248	35	6		
TOTAL		22	23	134	1.485	86	22		
WEIGHT KG				134	1.485	86			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

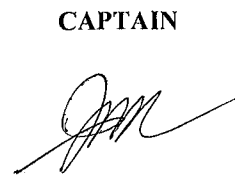
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khánh - Toàn	ETA: 10:40
XAMH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN THÀNH	BK THIE	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TUÂN MẠNH	BK THIE	76	1	7		70	PVD	Vietnamese
3	PHAN QUANG HOA	BK THIE	86	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THI	BK THIE					74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	BK THIE	71	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM HUNG SƠN	BK THIE	87	1	6		55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VŨ HUNG	BK THIE	72	1	9		79	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					67	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN SƠN	BK THIE	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	BK THIE	79	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY TUÂN	BK THIE	74	1	5		82	PVD	Vietnamese
12	LÊ VIỆT HUNG	BK THIE	73	1	6		69	PSV	Vietnamese
13	KIEU XUÂN TÂM	BK THIE	85	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
14	HUYNH HIỆU NGHĨA	BK THIE	77	1	9		78	PVD	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN LỢI	BK THIE	83-84	2	9		78	PVGAS	Vietnamese
16	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	82	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	78	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO DUY TŨ	BK THIE	88-89	2	9	75	60	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	80	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	19	102	1.369	75	16		
	TOTAL	19	19	102	1.369	75	16		
	WEIGHT KG			102	1.369	75			

GRAND TOAL: 1.546 KGS

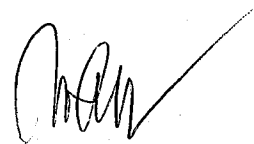
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: CLO - CTK3 - P10	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	CLO	32	1	10		78	DVL	Vietnamese
2	PHẠM QUANG TRUNG	CLO	35	1	10		82	DVL	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG CHIẾN	CLO	33	1	12		75	DVL	Vietnamese
4	VU MẠNH NAM	CLO	34	1	12		72	DVL	Vietnamese
5	BUI HUU HUÂN	CTK3	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	41	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ THANH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	36	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUYẾT THANG	CTK3	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TSVETKOV	CTK3	32	1	5	12	90	KH-THAC	Russian
12	TRẦN QUỐC KHIEM	CTK3					82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CANH HUNG	CTK3	39	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SỸ LONG	CTK3	37	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	34-35	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LƯU	P10	43	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	BUI QUANG RẠNG	P10					80	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN MINH	P10	39	1	5		74	PSV	Vietnamese
19	VU HỒNG OANH	P10	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	ĐÀO VĂN DUNG	P10	42	1	5		67	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P10	41	1	5	40	68	PVE	Vietnamese
22	LA XUÂN THẮNG	P10	40	1	5		70	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

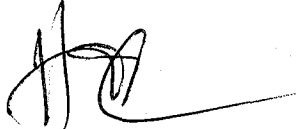
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	4	44	307	0	0		
2	CTK3	11	10	60	820	12	13		
3	P10	7	6	30	501	40	9		
TOTAL		22	20	134	1.628	52	22		
WEIGHT KG				134	1.628	52			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

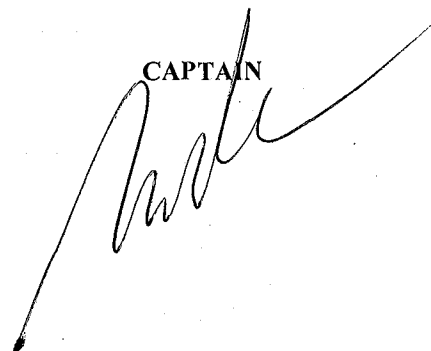
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/12/2018	TO: AMD - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Vũ	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THIN	AMD	78	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	79	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH HÙNG	AMD	62-63	2	20		57	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO JIAN HONG	AMD	57,900	2	20		66	KH-THAC	Malaysian
5	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	80	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỮU HÀ	AMD	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG THANH	AMD	60	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG ANH SON	AMD	75	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN MINH	AMD	64	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THAI SON	AMD	72-73	2	20		54	CODIEN	Vietnamese
11	HOANG HỮU TRỌNG	AMD	66	1	6		69	CODIEN	Vietnamese
12	HA MANH HOANG	AMD	71	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
13	LÊ ANH TUÂN	AMD	69	1	6		71	CODIEN	Vietnamese
14	PHI DUY HOAN	AMD	68	1	6		76	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	74	1	11		91	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ NGOC ANH	AMD	59	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HUY	AMD	76-77	2	20		61	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN TOÀN THẮNG	AMD	70	1	12	7	67	CODIEN	Vietnamese
19	VU DINH NAM	AMD	58	1	7		60	CODIEN	Vietnamese
20	TRẦN ĐƯƠNG	AMD	65	1	10		64	CODIEN	Vietnamese
21	NÔNG MINH HAI	AMD	67	1	10	18	73	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THỊ	AMD	61	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	26	222	1.514	25	8		
2	P11	0	0	0	0	0	13		
TOTAL		22	26	222	1.514	25	21		
WEIGHT KG				222	1.514	25			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: BK16 - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - QViệt - Năm	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TIỀN	BK16	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HÙNG	BK16					80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	45	1	17		64	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16	46-47	2	18	65	80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THANH	BK16	50	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN XUAN HOA	BK16					72	PSV	Vietnamese
7	KURPASOV	GTC1					67	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	52	1	8	55	74	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	99	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BẠC	GTC1					60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NAM HAI	GTC1	51	1	7		72	T-TIN	Vietnamese
12	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	600	1	3		73	PSV	Vietnamese
13	VŨ HỮU HA	CTK3	44	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	48	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	43	1	2		84	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MƯỜI	CTK3	50	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ QUANG THĂNG	CTK3	47	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	46	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PANKRATOV	CTK3	49	1	15		104	ANTOAN	Russian
21	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	45	1	8		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	5	47	426	65	6		
2	GTC1	6	4	23	418	55	6		
3	CTK3	9	8	53	670	0	10		
TOTAL		21	17	123	1.514	120	22		
WEIGHT KG				123	1.514	120			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: RP2 - VSP02 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Bằng - THẢO -	ETA: 11:30
VANG-2		TĐông	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỮU TIỀN	RP2	01	1	9	16	76	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI HỒNG THAI	VSP02	15	1	6	6	62	VTSHIPMAJ	Vietnamese
3	LÊ KHÁNH TOÀN	VSP02	16	1	10		68	VTSHIPMAJ	Vietnamese
4	VÔ NHAN	VSP02	13	1	7		62	VTSHIPMAJ	Vietnamese
5	THẠCH NGỌC HOÀI	VSP02	06	1	7		64	VTSHIPMAJ	Vietnamese
6	THẠCH NGỌC LƯU	VSP02	08	1	10		59	VTSHIPMAJ	Vietnamese
7	THẠCH NGỌC HUY	VSP02	10-11	2	10		64	VTSHIPMAJ	Vietnamese
8	LÊ MÃ LƯƠNG	VSP02	20	1	7		48	VTSHIPMAJ	Vietnamese
9	DUONG NGOC TUAN	VSP02	12	1	9		72	VTSHIPMAJ	Vietnamese
10	NGUYEN TAN SON	VSP02	18-19	2	11		67	VTSHIPMAJ	Vietnamese
11	NGUYEN THANH SON	VSP02	14	1	7		67	VTSHIPMAJ	Vietnamese
12	HOANG BA THANG	VSP02	17	1	6		55	VTSHIPMAJ	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHINH	VSP02	07	1	10		65	VTSHIPMAJ	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02	05	1	7	22	76	PSV	Vietnamese
15	HOANG VAN TRUNG	VSP02	03	1	5		81	PSV	Vietnamese
16	ĐO THANH CHUÔNG	VSP02	09	1	5		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TUÂN	VSP02	04	1	2		76	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	02	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	HOANG PHƯƠNG NAM	VSP02	01	1	5		62	PSV	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TIỀN	TD2	51	1	7	62	74	DVL	Vietnamese
21	DUONG TRUNG KIEN	TD2	52	1	10		62	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

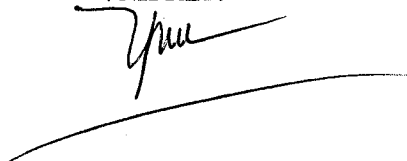
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	1	9	76	16	0		
2	VSP02	18	20	129	1.178	28	10		
3	TD2	2	2	17	136	62	12		
TOTAL		21	23	155	1.390	106	22		
WEIGHT KG				155	1.390	106			

GRAND TOAL: 1.651 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: CLI	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - MQUÂN	ETA: 12:10
Nâu - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	94-95	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TÂN HẬU	CLI					67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	96	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ NHẬT MINH	CLI	46-47	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG NGÂN	CLI	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN MINH DUY	CLI	48-49	2	11		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HAI	CLI	89-90	2	13		63	KH-THAC	Vietnamese
8	TẠ THANH QUANG	CLI	93	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ TRUNG QUÂN	CLI	50	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUÂN	CLI	79-80	2	20		73	CODIEN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HUÂN	CLI	76-78	3	17		63	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ TUÂN ANH	CLI	81-83	3	18		73	CODIEN	Vietnamese
13	CAO MINH THAI	CLI	84	1	9		73	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM THANH HAI	CLI	50	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
15	ROGINSKY	CLI	49	1	13		110	ANTOAN	Ukraine
16	PHẠM XUAN YEN	CLI	92	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN DƯ	CLI	92	1	5	75	60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HOANG ANH	CLI	45	1	4		63	PSV	Vietnamese
19	BUI NGỌC TÂN	CLI	99	1	4		63	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CHÍ HÙNG	CLI	98	1	7		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	20	28	185	1.422	75	22		
TOTAL		20	28	185	1.422	75	22		
WEIGHT KG				185	1.422	75			

GRAND TOAL: 1.682 KGS

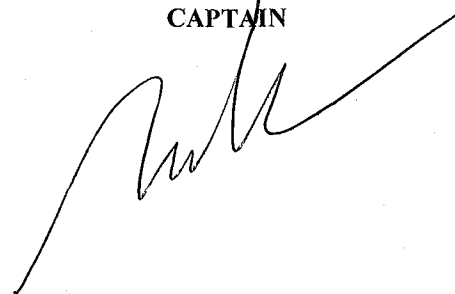
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: P2 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Vũ	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN MỪNG	P2	61	1	5		78	KHI	Vietnamese
2	LÊ QUANG NINH	P2					66	KHI	Vietnamese
3	LƯU VĂN KHUÔNG	P2	65	1	5	15	74	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY TIẾP	P2	51	1	7		65	PSV	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIỆP	P2	55	1	7		74	PSV	Vietnamese
6	CAO ĐẶC DÂN	P2	56-57	2	16	45	67	CODIEN	Vietnamese
7	PHẠM TIẾN CUÔNG	P2	58	1	12		70	CODIEN	Vietnamese
8	PHẠM HOÀNG	P2	59-60	2	9		63	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	46-47	2	12	16	51	T-TIN	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG VĂN	P2	48	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	45	1	4		76	PSV	Vietnamese
12	LÊ TÙNG LAM	P2	53	1	5		63	PSV	Vietnamese
13	BUI ĐỨC CHÍNH	P2	54	1	8		62	PSV	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG KIỂM	P2	50	1	8		66	PSV	Vietnamese
15	TRƯƠNG TRỌNG HẠN	P2	49	1	5		56	PSV	Vietnamese
16	PHAN THANH NAM	P2	52	1	5		76	PSV	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC HUY	CTK3	51	1	6		65	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	16	18	113	1.077	76	13		
2	CTK3	1	1	6	65	0	9		
TOTAL		17	19	119	1.142	76	22		
WEIGHT KG				119	1.142	76			

GRAND TOAL: 1.337 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/12/2018	TO: TTC3 - P7 - PPD	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - DTùng	ETA: 13:20
trang-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC SƠN	TTC3	61	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN QUY	TTC3	63	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TTC3	62	1	17		82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG QUY	TTC3	59-60	2	15		70	DVL	Vietnamese
5	PHẠM HAI LONG	TTC3	57-58	2	14		67	DVL	Vietnamese
6	TRẦN TUẤN ANH	P7	20	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN NGỌC THE	P7	19	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC QUANG	P7	21	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC ANH	PPD	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐẠI THẮNG	PPD	91	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VĂN ĐẠO	PPD	93	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH THẮNG	PPD	52	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	30	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯỜNG TRI DŨNG	PPD	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					50	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	50	1	5	12	55	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	26	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ VIỆT ANH	PPD	49	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
20	HUỖNH BA NINH	PPD	27	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN SA	PPD	44-45	2	8		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC3	5	7	61	370	0	4		
2	P7	3	3	32	196	0	5		
3	PPD	13	12	56	859	12	13		
TOTAL		21	22	149	1.425	12	22		
WEIGHT KG				149	1.425	12			

GRAND TOAL: 1.586 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/12/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+BK3+P2	7:25	16+0+6	0+0+0		6+1+15	0+0+0	CHUYỂN 9 PAX TỪ BK3-P2
2		RP3+P4	7:25	18+4	0+0		13+9	0+0	CHUYỂN 2 PAX RP3-P4
3		CLO+P5	7:25	20+2	0+0		18+4	0+0	
4		TD1+AMD	7:25	18+4	0+0		16+6	0+0	
5		PPD+P5	9:25	7+15	0+0		1+21	0+0	
6		P7	9:25	22	0		22	0	
7		P2+P1+P4	9:25	12+2+8	0+0+0		1+10+11	0+0+0	
8		BK14+BK8+TD1	9:25	3+8+11	0+0+0		2+9+11	0+0+0	
9		AMD+BK6-BK16	11:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
10		P4+RP1+RP3	11:25	12+8+2	0+0+0		0+17+5	0+0+0	
11		P3+BK5	11:25	16+5	0+0		14+8	0+0	
12		P4+RC5	11:25	20+0+2	0+0+0		16+1+5	0+0+0	
13		P1	13:25	22	0		22	0	
14		P2+BK10+HST	13:25	19+0+3	0+0+0		15+1+4	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ P2-BK10

TTBDSX

P10 - 4h00
P10 - 3h30

Cấp cứu
Điền theo người chết P10

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
RP3-5 NGƯỜI ĐI VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 04:00
FLIGHT: CC	TO: P10	CREW: HỒI - CHIẾN - HIẾU	ETA: 05:30

- Q. Tuyền

ROUTE: VT - P10 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - P10								
1	VUONG VAN LONG	BS VSP	Vietnamese	273715650		0	0	70
2	HO THI HONG	BS VSP	Vietnamese	040191000438		0	0	55
3	PHAM HUNG THAI	BAO VỆ VSP	Vietnamese	011894844		0	0	85
	PAX OUT	3		PAX IN	TBA	WT:	0	0
TOTAL		3						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	MEDICAL STRETCHER	600	P10	1	50
REMARK : REMOVE 06 SEATS FPOR LOADING MEDICAL STRETCHERS					PAX.WEIGHT
					210
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					50
					TOTAL
					260

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 03:45

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P1 - BK3 - P2	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBình - MTHAO - PTUẤN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV A.V	P1	20	1	8		90	KH-THAC	Russian
2	QUACH VAN THAO	P1	17-18	2	8		75	YTE	Vietnamese
3	SHENSHYN D.	P1	23	1	6		90	KH-THAC	Russian
4	LE NGOC HAI	P1	19	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DUY HUNG	P1	21-22	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VO HONG HAI	P1	31-32	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN HUU DUNG	P1	33	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRUNG CHINH	P1					68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC THANG	P1	28-29	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN LONG BIEN	P1	30	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LE KIEN TRUNG	P1	37	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM BA NGAN	P1	26	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
13	DO XUAN CHUONG	P1	25	1	3	35	70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM ANH SON	P1	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN THUY	P1	36	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN PHIEN	P1	38	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
17	VO DUY TOAN	P2	01	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG DUNG	P2	02	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	DO VAN DANG	P2	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DUONG XUAN DIEP	P2	03	1	5		45	KH-THAC	Vietnamese
21	LE NGOC HUNG	P2	06	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN MANH HUNG	P2	05-06	2	17	15	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

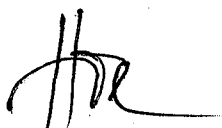
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	16	19	100	1.145	35	6		CHUYEN 09 PAX TU BK3 SANG P2
2	BK3	0	0	0	0	0	1	9	
3	P2	6	7	37	370	15	15		
TOTAL		22	26	137	1.515	50	22		
WEIGHT KG				137	1.515	50			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: RP3 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	RP3	72	1	4	20	74	D-HANH	Vietnamese
2	PHAM MANH CUONG	RP3					81	D-HANH	Vietnamese
3	HO NGOC HUNG	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
4	CHERNIADEV	RP3	73	1	8		66	NIPI	Russian
5	KYREEV	RP3	67	1	6		88	NIPI	Russian
6	HOANG DINH CHIEN	RP3	68	1	4		67	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	RP3	66	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH KHOA	RP3	76-77	2	10		75	KHI	Vietnamese
9	HO TUAN HUNG	RP3	78	1	4		85	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG HAI	RP3	74	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	TÀ PHI KHANH	RP3					71	KHI	Vietnamese
12	PHAM DINH DAT	RP3	70	1	4		55	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH SON	RP3	69	1	3		61	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HIEU	RP3	75	1	4		50	PSV	Vietnamese
15	TRAN BA MAU	RP3	65	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	LE THANH HAI	RP3	71	1	7		61	PSV	Vietnamese
17	HOANG VAN TRUNG	P4	66	1	6	40	67	YTE	Vietnamese
18	MAZIEV	P4					89	KH-THAC	Russian
19	SOKOLUIK	P4	65	1	5		81	KH-THAC	Russian
20	VLASOV	P4					95	KH-THAC	Russian
21	PHAM SI TUAN	P4					61	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

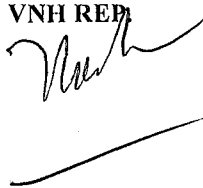
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	14	69	1.122	20	12	42	CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG P4
2	P4	5	2	11	393	40	10		
TOTAL		21	16	80	1.515	60	22		
WEIGHT KG				80	1.515	60			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: CLO - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Bảng ĐD - THẢO -	ETA: 09:30
TRANG-1 A		TĐông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SOCHIVES	CLO	55	1	7		105	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HUU LONG	CLO	42-43	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM XUAN SI	CLO	45	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY QUANG	CLO	40-41	2	10		92	YTE	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	46	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THANH	CLO	47	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MẠNH CƯỜNG	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
8	BUI NGOC TU	CLO	38	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN SAU	CLO	56-57	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM MINH HOANG	CLO	51	1	5		96	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	49	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ MINH HIỆP	CLO	53	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN THANH TÂM	CLO	54	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI TRƯỞNG SINH	CLO	48	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN BÌNH	CLO	52	1	5	35	61	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	CLO	50	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ PHƯỚC ĐỨC	CLO	44	1	5		69	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐẮC NHA	CLO	36	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN AI	CLO	37	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	LÊ XUÂN ĐAM	CLO	39	1	4		65	PSV	Vietnamese
21	SAGIROV	P5	17	1	5		71	KH-THAC	Russian
22	ĐO THANH HÙNG	P5	18	1	5	50	65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

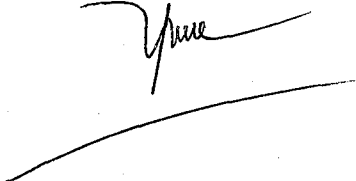
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	20	22	116	1.438	35	19		
2	P5	2	2	10	136	50	3		
TOTAL		22	24	126	1.574	85	22		
WEIGHT KG				126	1.574	85			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: TD1 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vận - TUYỀN - HIẾU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BAO	TD1	58	1	5	35	80	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM XUAN HIẾU	TD1	65	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
3	ZHURBIN N.B	TD1	62	1	8		91	KHOAN	Russian
4	TRẦN VĂN TU	TD1	66	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN CHIẾN	TD1	67	1	8		95	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN TẬP TOÀN	TD1	68	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	KOPULOV V.P	TD1	63	1	10		88	KHOAN	Russian
8	PHẠM ĐÔI	TD1	55	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN ĐIỀN	TD1	64	1	18		71	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC DỪNG	TD1					68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	59	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN KIẾN	TD1	56	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT CHUÔNG	TD1	69	1	9		64	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ MINH DỪNG	TD1	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN KHANH	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	60-61	2	9		76	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ ANH HIẾU	TD1					62	SCHLUMBE	Vietnamese
18	TRẦN QUANG UT	TD1	70	1	10		71	SCHLUMBE	Vietnamese
19	PHẠM VŨ THANG	AMD	89	1	11	21	75	TLJOC	Vietnamese
20	DƯƠNG NHẬT QUANG	AMD	88	1	8	90	65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD					64	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH BÌNH	AMD	84	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

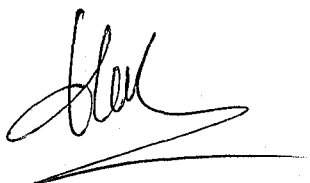
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	16	111	1.347	35	16		
2	AMD	4	3	24	284	111	6		
TOTAL		22	19	135	1.631	146	22		
WEIGHT KG				135	1.631	146			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: PPD - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - PTUAN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CÔNG	PPD	30	1	5		78	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN YẾN	PPD	55	1	4		60	KHI	Vietnamese
3	TRẦN HAI YẾN	PPD	52	1	4	15	49	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN THỊ KIM THÚ	PPD	53	1	4	17	57	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN BAU	PPD	54	1	5		70	ANTOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	PPD	49	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẠO ĐỨC ĐÔNG	PPD	51	1	11		75	XAYLAP	Vietnamese
8	MIRSAIAPOV	P5	29	1	5		100	D-HANH	Russian
9	NGUYỄN VĂN VIÊN	P5	32	1	3		75	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	36	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P5	42-43	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔNG XUÂN SINH	P5					62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN MINH	P5	38	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH TỰ	P5	37	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN MINH THANH	P5	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	35	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRONG NGHIA	P5	40	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CAO MẠNH	P5	39	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	KRAPIVKA	P5	31	1	3		90	KH-THAC	Russian
20	FIRSOV	P5	30	1	7		95	ANTOAN	Russian
21	LÊ XUÂN TÍNH	P5	34	1	4		75	PSV	Vietnamese
22	ĐO VĂN TOÀN	P5	33	1	10		75	PVC-PT	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	7	42	444	32	0		
2	P5	15	15	75	1.139	0	22		
TOTAL		22	22	117	1.583	32	22		
WEIGHT KG				117	1.583	32			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

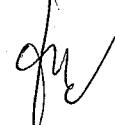
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Bằng - THẢO -	ETA: 11:30
TRANG-2		TDông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TELESHENKO	P7	25	1	12		125	KHOAN	Russian
2	LAI ĐỨC HAO	P7	26-27	2	12		81	YTE	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HUNG	P7	28	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN HONG LINH	P7	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	LUONG QUOC VUONG	P7	30	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH HOAI NAM	P7	48	1	15	15	85	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI VAN SON	P7	37	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN BAC	P7	34	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU DUONG	P7	22	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGOC SON	P7					75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH VAN PHUONG	P7	44	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN DINH PHAC	P7	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	LAM DANG GIANG	P7					72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN GIA CHUNG	P7	29	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUY TRUNG	P7	50	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
16	VU PHUONG HUONG	P7	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG VAN VIET	P7	45	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN NAM KHANH	P7	31-32	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐO LY KHANH	P7	35	1	5		85	PSV	Vietnamese
20	LE HUU LONG	P7	24	1	4		58	PSV	Vietnamese
21	PHAM VAN TAI	P7	47	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	LE CHI CUONG	P7	46	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	22	152	1.601	15	22		
TOTAL		22	22	152	1.601	15	22		
WEIGHT KG				152	1.601	15			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P2 - P1 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Vận - TUYỀN - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH NAM	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH VŨ	P2	09-10	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	14	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ NGHĨA TÀI	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN THAI	P2	15	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HÙNG	P2	16	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN THIÊN	P2	11	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ SỸ VANG	P2	19	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
10	HA VĂN NIN	P2	18	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI HOANG TAM	P2	17	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG TẾ	P2	12	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TU ANH	P2	13	1	9		69	CO DIEN	Vietnamese
14	VŨ NAM CƯỜNG	P1					69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HOANG NHÂN	P1	61	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO HỮU NAM	P4	74	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH ĐỨC	P4	70	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN VINH	P4	72	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀO MINH TUẤN	P4					74	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	71	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	69	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM VĂN PHÚC	P4	73	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	11	60	887	0	2		
2	P1	2	1	3	129	0	10		
3	P4	7	6	24	507	0	10		
TOTAL		22	18	87	1.523	0	22		
WEIGHT KG				87	1.523	0			

GRAND TOAL: 1.610 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: BK14 - BK8 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	BK14	68-69	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN NAM ĐẠI	BK14	70-71	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC TUAN	BK14	66-67	2	12		71	XAYLAP	Vietnamese
4	CAO VĂN ĐAU	BK8	97	1	6	50	74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ VĂN MÂY	BK8	99	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VIỆT CUƠNG	BK8	98	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HOÀNG GIANG	BK8	95	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN HỌC	BK8	900	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
9	NGÔ QUANG PHÚC	BK8	01	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN HUY	BK8	02-03	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN THỊNH	BK8	96	1	8		65	PSV	Vietnamese
12	LÊ TRUNG SƠN	TD1	87	1	4		70	DHANH	Vietnamese
13	LẠI CAO THANH	TD1	78	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HAI NGÂN	TD1	79	1	11		55	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ MẠNH HÙNG	TD1	73	1	4		75	ANTOAN	Vietnamese
16	LÊ VĂN CÔNG	TD1	83-84	2	16		60	SHINTRAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CẢNH CHUNG	TD1	77	1	5		62	SHINTRAC	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN HÀ	TD1	85	1	5		50	SHINTRAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	TD1	80-82	3	13		67	SHINTRAC	Vietnamese
20	ĐẶNG MINH TRUNG	TD1	86	1	10		70	SHINTRAC	Vietnamese
21	TRẦN ANH DŨNG	TD1	76	1	6		71	SHINTRAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD1	74-75	2	13		67	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

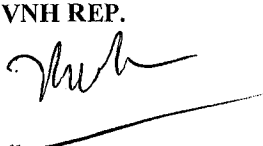
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	3	6	50	208	0	2		
2	BK8	8	9	80	535	50	9		
3	TD1	11	15	97	713	0	11		
TOTAL		22	30	227	1.456	50	22		
WEIGHT KG				227	1.456	50			

GRAND TOTAL: 1.733 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: AMD - BK6 - BK16	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 13:10
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU HUU CHINH	AMD	28	1	6	17	55	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC ANH	AMD	32-33	2	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HOANG	AMD	30	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH DANH	AMD	34	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH TRUONG PHI	AMD	27	1	7	50	71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VINH	AMD	39	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NHA	AMD	24	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO BA THANH	AMD	29	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DINH TUAN	AMD	37	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM ANH DUC	AMD	31	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRUONG LE ANH DUNG	AMD	26	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN DUY PHUONG	AMD	36	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	25	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VIET THANG	AMD	35	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG MINH ĐỨC (PVDT)	AMD	38	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN CU	BK6	79	1	3	45	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	BK6	83-84	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRAN VIET	BK6	76	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
19	LE CONG LUU	BK6	80	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN KHAC SON	BK6	77-78	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN HUNG LONG	BK6	81-82	2	15		54	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC AN	BK6	85	1	4		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

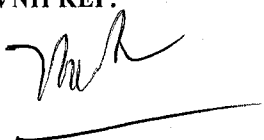
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	16	98	1.024	67	15		
2	BK6	7	10	71	441	45	4		
3	BK16	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	169	1.465	112	20		
WEIGHT KG				169	1.465	112			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2018	TO: P4 - RP1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - Huy	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN CHIẾN	P4	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THANH SƠN	P4	52	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM XUÂN HAI	P4	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯỜNG ĐÌNH MINH	P4	59	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	P4	56	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH CAM	P4	63	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH VĂN TOÀN	P4	54	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC MINH	P4	60	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG TÍNH	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH NAM	P4	61	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG KHẮC DU	P4	57-58	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THANH	P4	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN THÂM	RP1	09	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH HÙNG	RP1	11	1	10	20	81	PHÒNG NL	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC HOÀN	RP1	05	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	HÀ QUỐC VINH	RP1	10	1	5	14	68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT DŨNG	RP1	03-04	2	7		78	PSV	Vietnamese
18	LÊ VĂN QUY	RP1	06	1	6	45	70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN HUÂN	RP1	08	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	PHAN TẠ ĐIỆP	RP1	07	1	5		55	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG THANH	RP3					75	PSV	Vietnamese
22	PHAN HUY THĂNG	RP3	81-82	2	10		68	BA SON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	12	61	823	0	0		
2	RP1	8	9	47	542	79	17		
3	RP3	2	2	10	143	0	5		
TOTAL		22	23	118	1.508	79	22		
WEIGHT KG				118	1.508	79			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2018	TO: P3 - BK5	AIRCRAFT: 416	ETD: 11:50
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - THẢO -	ETA: 13:30
NAU - 3		TĐông	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	P3	09	1	6	40	60	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN THANH	P3	02	1	5	2	56	KH-THAC	Vietnamese
3	LÂM TUÂN KHAI	P3	13	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P3	07	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ KHAI ĐẠT	P3	11-12	2	16		93	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG TRUNG	P3	01	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUAN TRƯỜNG	P3	15-16	2	6		62	KH-THAC	Vietnamese
8	CHÂU ĐÌNH TỰ	P3	08	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG THANH	P3	06	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN QUYỀN	P3	14	1	2		54	GETRACO	Vietnamese
11	TRẦN ĐÌNH BÁC	P3	10	1	6		72	PVC-PT	Vietnamese
12	NGUYỄN TÀI THẮNG	P3	03	1	7		65	PVC-PT	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TỰ	P3	05	1	11		65	PVC-PT	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THAI	P3	04	1	10		60	PVC-PT	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TẬP	BK5	87	1	6	50	70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	74	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI THÈ DƯƠNG	BK5	88	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TOÀN	BK5	72-73	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	75	1	8		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	14	16	97	918	42	14		
2	BK5	5	6	45	317	50	8		
TOTAL		19	22	142	1.235	92	22		
WEIGHT KG				142	1.235	92			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P4 - RC5	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - Tuyền HIẾU	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	80	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	88	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P4	87	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LẠI MINH HOÀNG	P4	86	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HẠNH	P4	81	1	12		53	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TÔN	P4	82	1	7		56	CODIEN	Vietnamese
7	PHI THANH HỒNG	P4				22	64	CODIEN	Vietnamese
8	VUÔNG ĐỨC TRỌNG	P4	84-85	2	14		70	CODIEN	Vietnamese
9	HUYNH LÊ THIỆN CHÍNH	P4	90	1	5		72	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG QUÂN	P4	75	1	5		74	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG TUÂN	P4	89	1	5		61	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH TUÂN	P4	97-98	2	10		81	KHI	Vietnamese
13	TRẦN NHẬT TÂN LÂM	P4	93	1	9		74	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ SƠN ĐỨC	P4	92	1	4		80	KHI	Vietnamese
15	NGO XUÂN VƯỢNG	P4	99	1	4		59	KHI	Vietnamese
16	VÔ HỒNG QUÂN	P4	96	1	8		90	KHI	Vietnamese
17	TRẦN HẬU THỌ	P4	94	1	9	32	60	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG ĐÔNG	P4	95	1	8		65	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THIẾT	P4	900	1	7		69	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	91	1	4		80	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC KHOA	RC5	29	1	7	18	85	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	RC5	27	1	7	40	75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	21	132	1.389	54	17		
2	RC5	2	2	14	160	58	5		
TOTAL		22	23	146	1.549	112	22		
WEIGHT KG				146	1.549	112			

GRAND TOAL: 1.807 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P1	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:30
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Toan	ETA: 15:10
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG DINH KHUE	P1	63	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DINH PHUC	P1	97	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
3	TO QUANG ANH	P1	68	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN THANG	P1	64	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG VAN DUC	P1	69	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THE VINH	P1	65	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DINH QUE	P1	73	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN QUANG HUY	P1	72	1	16		91	DVL	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG SINH	P1	98	1	3		75	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN DUC PHUNG	P1	92-93	2	20		60	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN THIEU BINH	P1	95-96	2	20		60	DVL	Vietnamese
12	PHAM VAN CUONG	P1	90-91	2	13		82	DVL	Vietnamese
13	VU ANH TRONG	P1	94	1	10		65	DVL	Vietnamese
14	DUONG VAN TUYEN	P1	70-71	2	16		90	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOI	P1	66-67	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI NGOC THAO	P1	88-89	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN KHA	P1	25	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN BANG	P1	300	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HA MANH CUONG	P1	01,62	2	10		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN MANH HA	P1	26-27	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
21	DOAN NGOC DINH	P1	74	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MAI CUONG	P1					60	PSV	

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	29	213	1.505	0	22		
	TOTAL	22	29	213	1.505	0	22		
	WEIGHT KG			213	1.505	0			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/12/2018	TO: P2 - BK10 - HST	AIRCRAFT: 426	ETD: 13:35
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - XHOÀN - Huy	ETA: 15:15
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ CHẾ LINH	P2	76	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM THANH HIỀN	P2	77	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TÂN QUÂN	P2	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN NAM	P2	70	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THAI BÌNH	P2	81	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN PHÚC ANH ĐÔNG	P2	78-79	2	13		72	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN SƠN	P2	68	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG THAI	P2	72	1	4		66	XNKHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	P2	80	1	13		52	CODIEN	Vietnamese
11	MAI ĐÌNH KHANG	P2	73	1	9		50	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN QUÂN	P2	64	1	8		73	CODIEN	Vietnamese
13	ĐOÀN TUÂN DƯƠNG	P2	63	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
14	ĐINH VŨ TIẾN	P2	71	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẶNG VĂN NAM	P2	65-66	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VIỆT HUY	P2	67	1	11		63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	P2	82	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NHẬT TÂM	P2	75	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
19	HÀ MẠNH DŨNG	P2	74	1	8		63	XAYLAP	Vietnamese
20	HUYNH LÊ BAO THANH	HST	46	1	10		60	TLJOC	Vietnamese
21	NGUYỄN MẠNH HÙNG	HST	44-45	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ VIỆT PHƯƠNG	HST	43	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	20	148	1.278	0	17	+3	CHUYEN 3 PAX P2 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	70	1		
3	HST	3	4	26	206	0	4		
TOTAL		22	24	174	1.484	70	22		
WEIGHT KG				174	1.484	70			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/12/2018	TO: P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:00
FLIGHT: CAP CI	FROM: VT	CREW: Hạnh - Linh - Vũ	ETA: 11:45
TIM-2A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAO DUY THANH	P10	50-51	2	15		72	CONG AN	Vietnamese
2	TRUONG DUY VUONG	P10					74	CONG AN	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG LAN	P10	52	1	25		60	CONG AN	Vietnamese
4	CAO NGUYEN LOC	P10					74	VKS	Vietnamese
5	DOAN VAN CHINH	P10					62	CONG AN	Vietnamese
6	LE VIET DUNG	P10					56	VSP	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG DUONG	P10					64	VSP	Vietnamese
8	VU DINH HIEN	P10					84	VSP	Vietnamese
9	PHAN KIM CUONG	P10					60	VSP	Vietnamese
10	TRAN THUY HIEN	P10					56	VSP	Vietnamese
11	DO VAN TUAN	P10					85	BIEN PHON	Vietnamese
12	VU BAO TRUNG	P10	54	1	4		80	VSP	Vietnamese
13	CHERNAVSKII D.	P10	53	1	4		111	VSP	Russian
14	LE CAO CUONG	P10	49	1	9		60	HDONG	Vietnamese
15	NGUYEN CONG HUAN	P10				40	70	CONG AN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	15	6	57	1.068	40	16		THÁO 6 GHẾ CHỖ CẢNG
	TOTAL	15	6	57	1.068	40	16		+ 1NB phạm ngọc hiệp. kt.
	WEIGHT KG			57	1.068	40			

GRAND TOAL: 1.165 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

